TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2023
"V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ Tạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Thanh Nhàn;

2. Ông Phan Tấn Tài.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Hồ Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 982/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Th, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp MP, xã MHP, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lư Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp MP, xã MHP, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày, giữa bà với Lư Văn T do mai mối, có thời gian tìm hiểu trước khi tiến tới hôn nhân năm 2017, khi kết hôn thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng gia đình ông T, chung sống hạnh phúc được 02

năm thì xảy ra mâu thuẫn, do cả hai bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, nên bà đề nghị ly hôn với ông Lư Văn T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Th và ông Lư Văn T có 01 con chung tên Lư Gia Đ, sinh ngày 19/11/2017, khi ly hôn bà Th đề nghị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lư Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Bà Lê Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác, chứng minh cho yêu cầu của mình.

- Ông Lư Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Th đối với ông Lư Văn T.

- Bà Lê Thị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lư Gia Đ, sinh ngày 19/11/2017. Ông Lư Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lư Văn T, ông T cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông T đã được Tòa án cấp, tống Đ các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa lần

thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thống nhất, xét xử vắng mặt ông T theo quy định pháp luật tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Lư Văn T kết hôn do mai mối, nhưng có thời gian tự tìm hiểu, hôn nhân không bị ép buộc hoàn Tàn tự nguyện, bà Th và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà Th và ông T do có những bất đồng trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đã tự sống ly thân khoảng 03 năm nay. Hôn nhân là trên cơ sở sự thấu hiểu nhau, gần gũi chia sẻ giữa vợ và chồng, nhưng giữa bà Th với ông T đã không còn sự chia sẻ, bà Th khẳng định không còn tình cảm với ông T. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tống Đ các văn bản cho ông T, mặc dù ông T biết, nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà Th, nên ông T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Do vậy, hôn nhân giữa bà Th và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giữa bà Lê Thị Th với ông Lư Văn T có 02 con chung Lư Gia Đ, sinh ngày 19/11/2017, khi ly hôn bà Th đề nghị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do bà Th đã nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ trong khoảng thời gian bà Th, ông T tự sống ly thân, ông T không có ý kiến về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất để đảm bảo cuộc sống cho cháu Đ; nên tiếp tục giao con chung cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Th xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Lư Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Th đối với bị đơn ông Lư Văn T;

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Lư Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 01 tháng 6 năm 2017 do Ủy ban nhân dân xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị Th và ông Lư Văn T, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: bà Lê Thị Th với ông Lư Văn T có 01 con chung tên Lư Gia Đ, sinh ngày 19/11/2017. Bà Lê Thị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung tên Lư Gia Đ, sinh ngày 19/11/2017.

Ông Lư Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Th cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lư Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Th không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

4. Về nợ chung: Bà Th không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012963 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 02 tháng 12 năm 2022; bà Lê Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Lư Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị Th có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng ông Lư Văn T, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên